

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	9 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (trước đây là Công ty Công trình Bưu điện thuộc Tổng cục Bưu điện) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1519/2004/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100683141 lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 24 tháng 09 năm 2021.

Theo đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 24 tháng 09 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban quản lý của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên

Ông Nguyễn Hòa Hiệp
Ông Lê Hải Đoàn

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT
Ủy viên HĐQT
Giám đốc vận hành Công ty (Bổ nhiệm
ngày 04/05/2024)
Thành viên độc lập

Ông Nguyễn Bình Bắc

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên

Ông Đỗ Quốc Toàn

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Ủy Ban Kiểm toán

Họ tên

Ông Nguyễn Bình Bắc
Ông Lê Hải Đoàn

Chức vụ

Chủ tịch Ủy ban Kiểm
toán
Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Hòa Hiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị, quốc tịch Việt Nam. Thẻ căn cước công dân số 001089028057 cấp ngày 24/09/2019 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Địa chỉ thường trú tại 26-BT1A Cao Xuân Huy – KĐT Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Cam kết về công bố thông tin

Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Phê duyệt các Báo cáo tài chính tổng hợp

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Nguyễn Hòa Hiệp
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 03 năm 2025



Số: 098/2025/BCKTTH-PB.00486

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị
Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (gọi tắt là "Công ty"), được lập Ngày 20 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý với số dư nhiều năm của các khoản mục Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Tạm ứng và Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị lần lượt là 4.019.713.681 VND, 583.713.678 VND và 2.125.300.982 VND đang ghi nhận trên Báo cáo của Công ty, cũng như chưa thực hiện tính và trích lập dự phòng đối với các số dư này. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về việc đánh giá giá trị hợp lý của các khoản mục này, cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 8.5 - "Thông tin về hoạt động liên tục" trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty lỗ lũy kế là 24.755.538.498 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2024 âm 7.585.620.584 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan tới vấn đề này.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh của Công ty được lấy trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp đã được trình bày lại, cụ thể tại thuyết minh 8.4 – "Số liệu so sánh".



NGUYỄN XUÂN HÙNG

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5701-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 03 năm 2025

NGUYỄN VĂN VINH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5023-2025-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.150.790.728	45.926.719.056
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.065.690.018	3.005.486.385
1. Tiền	111		4.065.690.018	3.005.486.385
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.409.923.550	36.015.166.870
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	46.790.448.689	26.087.775.470
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	19.022.786.900	18.975.286.900
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	21.868.084.227	23.653.488.407
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(30.508.781.266)	(32.938.768.907)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		237.385.000	237.385.000
IV/ Hàng tồn kho	140	5.5	2.429.630.982	6.397.504.044
1. Hàng tồn kho	141		9.745.487.385	13.713.360.447
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.315.856.403)	(7.315.856.403)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		245.546.178	508.561.757
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.843.667	265.859.246
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	242.702.511	242.702.511
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.768.592.267	5.413.310.277
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	10.000.000	10.000.000
II/ Tài sản cố định	220		3.428.300.752	3.802.239.894
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.428.300.752	3.802.239.894
- Nguyên giá	222		16.460.560.472	16.460.560.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.032.259.720)	(12.658.320.578)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		125.000.000	125.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(125.000.000)	(125.000.000)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	1.221.802.228	1.274.728.529
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.000.000.000	2.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.000.000.000	4.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.778.197.772)	(4.725.271.471)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		108.489.287	326.341.854
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	108.489.287	326.341.854
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		68.919.382.995	51.340.029.333

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		43.674.921.493	26.722.456.483
I/ Nợ ngắn hạn	310		43.564.421.493	26.591.642.483
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	9.079.642.530	4.995.914.947
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.123.779.596	4.059.409.264
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.540.713.706	1.006.447.058
4. Phải trả người lao động	314		3.997.487.208	2.978.761.267
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.948.586.051	1.683.918.953
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		200.543.203	357.104.751
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	14.003.811.627	9.472.529.250
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	10.632.300.579	2.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		37.556.993	37.556.993
II/ Nợ dài hạn	330		110.500.000	130.814.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	110.500.000	130.814.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.244.461.502	24.617.572.850
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.17	25.244.461.502	24.617.572.850
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.755.538.498)	(25.382.427.150)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(25.382.427.150)	(23.528.560.101)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		626.888.652	(1.853.867.049)
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		68.919.382.995	51.340.029.333



Nguyễn Hòa Hiệp
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Kiều Ngọc
Kế toán trưởng

Hà Trung Tín
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	64.001.178.863	25.870.403.279
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	342.485.692	17.164.107
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		63.658.693.171	25.853.239.172
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	57.527.616.053	20.377.483.418
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.131.077.118	5.475.755.754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	13.523.638	66.584.375
7. Chi phí tài chính	22	6.5	365.398.233	742.531.745
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		312.471.932	17.260.274
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.084.508.329	6.546.887.248
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		694.694.194	(1.747.078.864)
11. Thu nhập khác	31	6.7	24.561.492	15.846.456
12. Chi phí khác	32	6.8	92.367.034	122.634.641
13. Lợi nhuận khác	40		(67.805.542)	(106.788.185)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		626.888.652	(1.853.867.049)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		626.888.652	(1.853.867.049)



Nguyễn Hòa Hiệp
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Kiều Ngọc
Kế toán trưởng

Hà Trung Tín
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIÊN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	626.888.652	(1.853.867.049)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	373.939.142	373.939.142
- Các khoản dự phòng	03	(403.533.404)	725.271.471
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.523.638)	(66.584.375)
- Chi phí lãi vay	06	312.471.932	17.260.274
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	909.822
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	896.242.684	(803.070.715)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.675.281.396)	10.659.317.646
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.967.873.062	(2.412.308.469)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	8.065.912.376	(8.712.886.335)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	217.852.567	427.049.604
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(58.219.877)	(5.424.658)
- Thuế TNDN đã nộp	15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.585.620.584)	(847.322.927)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	(6.500.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.000.000.000	6.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.523.638	66.584.375
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.523.638	66.584.375
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	12.669.567.322	2.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.037.266.743)	(2.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.632.300.579	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.060.203.633	(780.738.552)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.005.486.385	3.786.224.937
Ảnh thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.065.690.018	3.005.486.385



Nguyễn Hòa Hiệp
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Kiều Ngọc
Kế toán trưởng

Hà Trung Tín
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (trước đây là Công ty Công trình Bưu điện thuộc Tổng cục Bưu điện) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1519/2004/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100683141 lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 24 tháng 09 năm 2021.

Theo đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 24 tháng 09 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và các công trình công nghiệp, giao thông dân dụng.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

1.6 Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 38 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 42 nhân viên).

1.7 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 các đơn vị liên quan và phụ thuộc của Công ty như sau:

STT	Đơn vị	Mối quan hệ
1	Xí nghiệp Tư vấn thiết kế	Chi nhánh hạch toán phụ thuộc
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Telcom	Công ty con

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là các chi phí phân bổ trong thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác gồm các chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm, chi phí khác được phân bổ không quá 03 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

4.11 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu các năm trước.

Lợi nhuận chưa phân phối được phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông sau khi bù trừ các khoản lỗ lũy kế (nếu có).

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	10.896.131	3.367.073
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.054.793.887	3.002.119.312
- Tiền gửi VND	4.054.793.887	3.002.119.312
Cộng	4.065.690.018	3.005.486.385

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	75.490.645	-	-	-
Công ty Cổ phần xây lắp Telcom	75.490.645	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	46.714.958.044	(9.017.367.654)	26.087.775.470	(9.385.664.011)
Cục kỹ thuật nghiệp vụ - Bộ Công An	1.018.441.390	-	1.368.804.546	-
Công Ty Cổ phần FALCON Việt Nam	7.187.548.000	-	-	-
Công ty dịch vụ viễn thông (GPC)	1.699.604.661	(1.699.604.661)	1.699.604.661	(1.699.604.661)
Công ty CP Viễn Thông CSC	1.103.592.921	(1.103.592.921)	1.103.592.921	(1.103.592.921)
Các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Bưu chính viễn thông	24.377.305.598	(5.144.842.588)	13.574.018.311	(4.408.477.684)
Các khách hàng khác	11.328.465.474	(1.069.327.484)	8.341.755.031	(2.173.988.745)
Cộng	46.790.448.689	(9.017.367.654)	26.087.775.470	(9.385.664.011)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước các khách hàng khác	19.022.786.900	(1.823.006.900)	18.975.286.900	(1.823.006.900)
Công ty CP HTV.BT Việt Nam (i)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Phan Đình (ii)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Môi trường đô thị Thanh Hóa	925.000.000	(925.000.000)	925.000.000	(925.000.000)
Các đối tượng khác	1.097.786.900	(898.006.900)	1.050.286.900	(898.006.900)
Cộng	19.022.786.900	(1.823.006.900)	18.975.286.900	(1.823.006.900)

(i) Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 90/HĐCN ngày 15/04/2021, Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đối với 20 thửa đất tổng diện tích 2.575m² tại khu dự án 15ha, Bình Thuận từ bên chuyển nhượng là Công ty Cổ phần HTV.BT Việt Nam, với giá chuyển nhượng là 36,05 tỷ VND. Đợt 1 thanh toán 15 tỷ VND ngay sau khi ký hợp đồng; Đợt 2 thanh toán 11 tỷ VND khi Bên chuyển nhượng bàn giao, sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước ngày 30/09/2021. Đợt 3 thanh toán giá trị còn lại trước ngày 31/12/2021. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty mới hoàn thành việc thanh toán Đợt 1. Việc bàn giao, sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa hoàn thành do tình hình dịch bệnh phức tạp dẫn đến các thủ tục hành chính bị gián đoạn kéo dài. Công ty cũng đang lập kế hoạch tài chính để thanh toán lần 2 đầy nhanh tiến độ chuyển nhượng bàn giao, sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(ii) Là tiền ứng trước theo Hợp đồng xây dựng số 96.1/2021/HĐXD ngày 19/04/2021 nhằm thực hiện thi công phần hạng mục thoát nước đối với hệ thống thoát nước điểm cuối trong dự án 15ha Bình Thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

5.4 Phải thu khác ngắn hạn, dài hạn**5.4.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan		-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	21.868.084.227	(19.430.961.712)	23.653.488.407	(21.492.652.996)
Ký quỹ, ký cược	83.852.601	-	37.594.401	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	15.292.470.321	(13.392.867.932)	15.324.666.551	(13.652.763.365)
Phải thu khác	6.491.761.305	(6.038.093.780)	8.291.227.455	(7.839.889.631)
- Các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Bưu chính viễn thông	2.426.562.808	(2.426.562.808)	2.426.562.808	(2.426.562.808)
- Các cá nhân đã nghỉ việc	3.651.462.997	(3.608.820.997)	3.651.462.997	(3.608.820.997)
- Phải thu ngắn hạn khác	413.735.500	(2.709.975)	2.213.201.650	(1.804.505.826)
Cộng	21.868.084.227	(19.430.961.712)	23.653.488.407	(21.492.652.996)

5.4.2 Phải thu khác dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	10.000.000		10.000.000	
Cộng	10.000.000	-	10.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	214.302.000	(214.302.000)	311.872.000	(214.302.000)
Công cụ, dụng cụ	-	-	14.663.164	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	9.531.185.385	(7.101.554.403)	13.386.825.283	(7.101.554.403)
Cộng	9.745.487.385	(7.315.856.403)	13.713.360.447	(7.315.856.403)

- (i) Chi phí dở dang của các công trình xây lắp viễn thông trong đó số còn dư của các công trình đã thực hiện nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7.101.554.403 VND, số dư này đã được trích lập dự phòng và không tính là chi phí thuế TNDN do không đủ hồ sơ ghi nhận.

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	89.458.473	244.865.293
Các khoản khác	19.030.814	81.476.561
Cộng	108.489.287	326.341.854

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

5.7 Dự phòng phải thu khó đòi

5.7.1 Nợ xấu

	31/12/2024				01/01/2024			
	Giá trị có thể thu hồi		T/g quá hạn		Giá trị có thể thu hồi		T/g quá hạn	
	Dư nợ gốc	VND	Dư nợ gốc	VND	Dư nợ gốc	VND	Dư nợ gốc	VND
Phải thu các khách hàng								
Công ty dịch vụ viễn thông (GPC)	9.017.367.654		-		9.385.664.011		-	
Công ty CP Viễn Thông CSC	1.699.604.661		-		1.699.604.661		-	
Các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Bưu chính viễn thông	1.103.592.921		-		1.103.592.921		-	
Các khách hàng khác	5.144.842.588		-		4.408.477.684		-	
Trả trước cho người bán	1.069.327.484		-		2.173.988.745		-	
Công ty Môi trường đô thị Thanh Hóa	1.823.006.900		-		1.823.006.900		-	
Các đối tượng khác	925.000.000		-		925.000.000		-	
Phải thu khác	898.006.900		-		898.006.900		-	
Tiền tạm ứng cho CBNV	19.430.961.712		-		21.492.652.996		-	
Phải thu khác	13.392.867.932		-		13.652.763.365		-	
- Các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Bưu chính viễn thông	6.038.093.780		-		7.839.889.631		-	
- Các cá nhân đã nghỉ việc	2.426.562.808		-		2.426.562.808		-	
- Phải thu ngắn hạn khác	3.608.820.997		-		3.608.820.997		-	
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.709.975		-		1.804.505.826		-	
Cộng	237.445.000		-		237.445.000		-	
	30.508.781.266		-		32.938.768.907		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIÊN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

5.7.2 **Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi**

Tại ngày 01/01/2024
Giảm dự phòng do xử lý giảm công nợ
Hoàn nhập dự phòng
Dự phòng bổ sung
Tại ngày 31/12/2024

Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
VND	VND	VND
(32.938.768.907)		(32.938.768.907)
1.973.527.936		1.973.527.936
456.459.705		456.459.705
(30.508.781.266)	-	(30.508.781.266)

5.8 **Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	11.164.213.205	2.747.349.104	2.317.885.830	231.112.333	16.460.560.472
Số dư tại 31/12/2024	11.164.213.205	2.747.349.104	2.317.885.830	231.112.333	16.460.560.472
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2024	7.470.336.947	2.747.349.104	2.317.885.830	122.748.697	12.658.320.578
Khấu hao trong năm	350.408.840	-	-	23.530.302	373.939.142
Số dư tại 31/12/2024	7.820.745.787	2.747.349.104	2.317.885.830	146.278.999	13.032.259.720
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	3.693.876.258	-	-	108.363.636	3.802.239.894
Tại ngày 31/12/2024	3.343.467.418	-	-	84.833.334	3.428.300.752
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại ngày 01/01/2024	637.857.067	2.747.349.104	2.317.885.830	122.748.697	5.825.840.698
Tại ngày 31/12/2024	637.857.067	2.747.349.104	2.317.885.830	122.748.697	5.825.840.698

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	2.000.000.000	(778.197.772)	-	2.000.000.000	(725.271.471)	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Telcom (i)	2.000.000.000	(778.197.772)	(iii)	2.000.000.000	(725.271.471)	(iii)
Đầu tư vào đơn vị khác	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (ii)	4.000.000.000	(4.000.000.000)	(iii)	4.000.000.000	(4.000.000.000)	(iii)
Cộng	6.000.000.000	(4.778.197.772)	-	6.000.000.000	(4.725.271.471)	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106701333 ngày 02 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Telcom (tên cũ là Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây lắp thông tin) 2.000.000.000 VND, tương đương 98,04% vốn điều lệ.

Tính hình hoạt động của công ty con: Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

(ii) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long 4.000.000.000 VND tương đương 3,6% vốn điều lệ. Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản đầu tư này do lỗ lũy kế đã vượt vốn điều lệ và cổ phiếu đã bị hủy niêm yết từ 17 tháng 05 năm 2013. Từ năm 2012 đến nay, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long.

Tính hình hoạt động của công ty con: Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

(iii) Công ty chưa thể đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này vì các công ty được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cũng như chưa có văn bản quy định hướng dẫn thực hiện cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2024	-	125.000.000	125.000.000
Số dư tại 31/12/2024	-	125.000.000	125.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2024	-	125.000.000	125.000.000
Số dư tại 31/12/2024	-	125.000.000	125.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐVH cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 125.000.000 đồng

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	3.090.984.429	3.090.984.429	2.437.913.927	2.437.913.927
Công ty Cổ phần xây lắp Telecom	3.090.984.429	3.090.984.429	2.437.913.927	2.437.913.927
Phải trả nhà cung cấp khác	5.988.658.101	5.988.658.101	2.558.001.020	2.558.001.020
Công ty CP Điện nhe Viễn Thông	874.317.656	874.317.656	874.317.656	874.317.656
Công ty Cổ phần Viễn thông Hoàng Mai	1.651.715.445	1.651.715.445	-	-
Công Ty TNHH Xây Dựng Hưng Phát Hưng Yên	1.147.232.958	1.147.232.958	-	-
Các đối tượng khác	2.315.392.042	2.315.392.042	1.683.683.364	1.683.683.364
Cộng	9.079.642.530	9.079.642.530	4.995.914.947	4.995.914.947

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước khác	2.123.779.596	2.123.779.596	4.059.409.264	4.059.409.264
Công ty Cổ phần HTV.BT Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng Công ty mạng lưới VIETTEL-CN Tập đoàn Viễn thông QĐ	84.779.596	84.779.596	84.779.596	84.779.596
Công ty Cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Yên Mỹ	-	-	1.815.600.000	1.815.600.000
Các đối tượng khác	39.000.000	39.000.000	159.029.668	159.029.668
Cộng	2.123.779.596	2.123.779.596	4.059.409.264	4.059.409.264

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	668.993.881	414.741.826
Chi phí công trình phải trả	1.279.592.170	1.269.177.127
Cộng	1.948.586.051	1.683.918.953

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả các đối tượng khác	14.003.811.627	14.003.811.627	9.472.529.250	9.472.529.250
Kinh phí công đoàn	54.254.277	54.254.277	85.188.785	85.188.785
Nhận ký quỹ, ký cược	-	-	27.157.000	27.157.000
Tạm ứng	10.759.488.825	10.759.488.825	5.605.943.832	5.605.943.832
Phải trả khác	3.189.993.411	3.189.993.411	3.754.239.633	3.754.239.633
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.403.244.544	1.403.244.544	1.403.244.544	1.403.244.544
- Các khoản vay cá nhân không đúng thẩm quyền chờ xử lý	1.340.170.700	1.340.170.700	1.340.170.700	1.340.170.700
- Phải trả NH khác	446.578.167	446.578.167	1.010.824.389	1.010.824.389
Cộng	14.003.811.627	14.003.811.627	9.472.529.250	9.472.529.250

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược (i)	110.500.000	110.500.000	130.814.000	130.814.000
Cộng	110.500.000	110.500.000	130.814.000	130.814.000

(i) Nhận đặt cọc tiền cho thuê văn phòng dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIÊN THÔNG
Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu 31/12/2024 VND	Số phải nộp 31/12/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu 01/01/2024 VND	Số phải nộp 01/01/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.303.514.015	1.220.514.405	-	772.981.948
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	36.396.621	-	-	36.396.621
Thuế thu nhập cá nhân	-	86.513.518	26.932.866	-	82.778.937
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	242.702.511	-	883.327.965	242.702.511	-
Các loại thuế khác	-	114.289.552	7.000.000	-	114.289.552
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	6.682.482	-	-
Cộng	242.702.511	1.540.713.706	2.674.989.785	242.702.511	1.006.447.058

5.16 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	10.632.300.579	10.632.300.579	12.669.567.322	4.037.266.743	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (i)	4.282.300.579	4.282.300.579	5.519.567.322	1.237.266.743	-
Vay cá nhân ngắn hạn (ii)	6.350.000.000	6.350.000.000	7.150.000.000	2.800.000.000	2.000.000.000
Cộng	10.632.300.579	10.632.300.579	12.669.567.322	4.037.266.743	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIÊN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHÍNH TÔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/134665/HĐTD ký ngày 28/03/2024 giữa Công ty cổ phần Phát triển Công trình Viên thông và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội, hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng, mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Điều khoản đảm bảo cho các khoản vay là:
- Đảm bảo bằng 100% số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Doanh nghiệp trên tài khoản tiền gửi của Doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội.
 - Đảm bảo chuyển 100% khối lượng thanh toán theo các Hợp đồng kinh tế vay tại Chi nhánh về tài khoản tiền gửi của Bên vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội.
 - Đảm bảo bằng toàn bộ Doanh thu từ các nguồn hợp pháp khác của Doanh nghiệp chuyển về tài khoản tiền gửi của Doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội.
- (ii) Vay ngắn hạn của các thời hạn vay 03 tháng, lãi suất cho vay 12%/năm nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay tín chấp không có tài sản đảm bảo, cụ thể:
- Vay ông Hoàng Văn Thương theo Hợp đồng vay số 0608/2024/HĐTD ngày 06/08/2024, số dự tại 31/12/2024 là 2.000.000.000 đồng.
 - Vay bà Đặng Thị Huệ theo Hợp đồng vay số 1408/2024/HĐTD ngày 14/08/2024, số dự tại 31/12/2024 là 800.000.000 đồng.
 - Vay ông Đỗ Tuấn Sơn theo Hợp đồng vay số 1908/2024/HĐTD ngày 19/08/2024, số dự tại 31/12/2024 là 2.700.000.000 đồng.
 - Vay bà Nguyễn Thị Kiều Ngọc theo Hợp đồng vay số 0910/2024/HĐTD ngày 09/10/2024, số dự tại 31/12/2024 là 500.000.000 đồng.
 - Vay ông Phạm Văn Thành theo Hợp đồng vay số 1612/2024/HĐTD ngày 16/12/2024, số dự tại 31/12/2024 là 350.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIÊN THÔNG
Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND
Năm trước						
Số dư tại 01/01/2023	50.000.000.000	-	-	4.184.496.327	(27.713.966.250)	26.470.530.077
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(1.853.867.049)	(1.853.867.049)
Chuyển từ quỹ đầu tư phát triển bù đắp lỗ lũy kế	-	-	-	(4.184.496.327)	4.184.496.327	-
Tăng khác	-	-	-	-	909.822	909.822
Số dư tại 31/12/2023	50.000.000.000	-	-	-	(25.382.427.150)	24.617.572.850
Năm nay						
Số dư tại 01/01/2024	50.000.000.000	-	-	-	(25.382.427.150)	24.617.572.850
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	626.888.652	626.888.652
Số dư tại 31/12/2024	50.000.000.000	-	-	-	(24.755.538.498)	25.244.461.502

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

5.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Hòa Hiệp	14.500.000.000	29,00%	14.500.000.000	29,00%
Ông Lê Hải Đoàn	12.499.000.000	25,00%	12.499.000.000	25,00%
Ông Lại Trung Dũng	1.411.000.000	2,82%	13.143.500.000	26,29%
Ông Vũ Anh Tuấn	5.709.000.000	11,42%	2.412.000.000	4,82%
Ông Nguyễn Duy Nguyên	4.635.480.000	9,27%	2.491.350.000	4,98%
Các cổ đông góp vốn khác	11.245.520.000	22,49%	4.954.150.000	9,91%
Cộng	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng và tư vấn thiết kế	61.144.783.596	22.299.066.864
Doanh thu dịch vụ khác	2.856.395.267	3.571.336.415
Cộng	64.001.178.863	25.870.403.279

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giảm doanh thu xây lắp theo quyết toán công trình	342.485.692	17.164.107
Cộng	342.485.692	17.164.107

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng và tư vấn thiết kế	56.681.022.875	20.357.078.649
Giá vốn dịch vụ khác	846.593.178	20.404.769
Cộng	57.527.616.053	20.377.483.418

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.523.638	66.584.375
	13.523.638	66.584.375

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	312.471.932	17.260.274
Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	52.926.301	725.271.471
Cộng	365.398.233	742.531.745

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.811.841.566	2.886.517.963
Chi phí khấu hao TSCĐ	143.319.744	373.939.142
Thuế, phí và lệ phí	1.075.569.051	782.051.468
Hoàn nhập dự phòng	(456.459.705)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	376.275.621	1.144.076.925
Chi phí bằng tiền khác	1.133.962.052	1.360.301.750
Cộng	5.084.508.329	6.546.887.248

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản khác	24.561.492	15.846.456
Cộng	24.561.492	15.846.456

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

6.8 Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản khác	92.367.034	122.634.641
Cộng	92.367.034	122.634.641

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	626.888.652	(1.853.867.049)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(364.092.671)	122.634.641
Các khoản điều chỉnh tăng	92.367.034	122.634.641
Tiền phạt thuế	-	1.193.360
Các khoản khác	92.367.034	121.441.281
Các khoản điều chỉnh giảm	(456.459.705)	-
Khoản hoàn nhập dự phòng không tính vào chi phí thuế TNDN năm trước	(456.459.705)	-
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	(262.795.981)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(1.731.232.408)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN điều chỉnh của năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	29.343.644.314	14.672.842.364
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	22.663.241.748	10.196.474.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	373.939.142	373.939.142
Thuế, phí, lệ phí	1.075.569.051	782.051.468
Hoàn nhập dự phòng	(456.459.705)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.990.294.631	1.426.945.535
Chi phí khác bằng tiền	1.654.022.139	2.741.718.693
Cộng	58.644.251.320	30.193.972.106

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.065.690.018		3.005.486.385	
Phải thu khách hàng	46.790.448.689	(9.017.367.654)	26.087.775.470	(9.385.664.011)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	21.878.084.227	(19.430.961.712)	23.663.488.407	(21.492.652.996)
Đầu tư tài chính	2.000.000.000	(4.778.197.772)	2.000.000.000	(4.725.271.471)
	74.734.222.934	(33.226.527.138)	54.756.750.262	(35.603.588.478)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	10.632.300.579		2.000.000.000	
Phải trả người bán	9.079.642.530		4.995.914.947	
Chi phí phải trả	1.948.586.051		1.683.918.953	
Phải trả khác	14.114.311.627		9.603.343.250	
	35.774.840.787	-	18.283.177.150	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	10.632.300.579	-		10.632.300.579
Phải trả người bán	9.079.642.530			9.079.642.530
Chi phí phải trả	1.948.586.051			1.948.586.051
Phải trả khác	14.003.811.627	110.500.000	-	14.114.311.627
Cộng	35.664.340.787	110.500.000	-	35.774.840.787
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	2.000.000.000	-		2.000.000.000
Phải trả người bán	4.995.914.947			4.995.914.947
Chi phí phải trả	1.683.918.953			1.683.918.953
Phải trả khác	9.472.529.250	130.814.000	-	9.603.343.250
Cộng	18.152.363.150	130.814.000	-	18.283.177.150

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.101.423.416	-	-	6.101.423.416
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.401.062.260	-	-	6.401.062.260
Đầu tư tài chính	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Tài sản tài chính khác				-
Cộng	12.502.485.676	2.000.000.000	-	14.502.485.676
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.784.746.249	-	-	1.784.746.249
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.207.063.400	-	-	5.207.063.400
Đầu tư tài chính	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Tài sản tài chính khác				-
Cộng	6.991.809.649	2.000.000.000	-	8.991.809.649

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Báo cáo bộ phận**

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh dịch vụ là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

8.2 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

8.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt.

- **Công ty con** là Công ty Cổ phần Xây lắp Telcom (tên cũ là Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây lắp thông tin), Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Telcom 2.000.000.000 VND, tương đương 98,04% vốn điều lệ.

Giao dịch với công ty con

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

Công nợ với công ty con

Công nợ với công ty con được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.

Các khoản công nợ phải thu công ty con không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với công ty con

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
			<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Xây lắp Telcom	Công ty con	Doanh thu cho thuê văn phòng	68.832.449
		Công ty con cung cấp dịch vụ xây lắp	3.560.186.632
		Giảm trừ giá vốn công trình xây lắp	(471.793.442)

- Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

Thành viên Quản lý chủ chốt	Chức danh	Tiền lương và thù lao	
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Hòa Hiệp	Chủ tịch HĐQT	178.922.182	178.239.273
Ông Lê Hải Đoàn	Ủy viên HĐQT - Giám đốc vận hành Công ty	149.699.363	133.679.454
Ông Đỗ Quốc Toàn	Tổng Giám đốc	192.467.744	193.736.814
Bà Nguyễn Thị Kiều Ngọc	Kế toán trưởng	148.277.048	144.756.843
Tổng cộng:		669.366.337	650.412.384

8.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

Số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được trình bày hồi tố lại do việc lập và trình bày lại số liệu của Chi nhánh hạch toán phụ thuộc - Xí nghiệp Tư vấn thiết kế, Số liệu được trình bày hồi tố lại cụ thể:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số tại 31/12/2023	Số trình bày lại 01/01/2024	Giá trị điều chỉnh
		VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Hàng tồn kho	141	14.452.265.742	13.713.360.447	(738.905.295)
NGUỒN VỐN				
Phải trả ngắn hạn khác	319	10.191.029.776	9.472.529.250	(718.500.526)
LNST chưa phân phối năm nay	421b	(1.833.462.280)	(1.853.867.049)	(20.404.769)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Mã số	Số Báo cáo năm 2023	Số trình bày lại năm 2023	Giá trị điều chỉnh
		VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	01	(1.833.462.280)	(1.853.867.049)	(20.404.769)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.151.213.764)	(2.412.308.469)	738.905.295
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(7.994.385.809)	(8.712.886.335)	(718.500.526)

8.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty lỗ lũy kế là 24.755.538.498 đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2024 âm 7.585.620.584 đồng. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ngoài các vấn đề đã nêu, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định rằng không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Hội đồng quản trị Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.



Nguyễn Hòa Hiệp
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Kiều Ngọc
Kế toán trưởng

Hà Trung Tín
Người lập biểu

